FireAnt

CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương (HNX: DDG)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	2,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300
SL cổ phiếu LH	79,839,886
KLGD BQ 20 phiên (CP)	222,475
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	208
P/E	-1.2
EPS	-2,150

	YTD	1T	3T	6T
DDG	-10.3%	-7.1%	-7.1%	-16.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

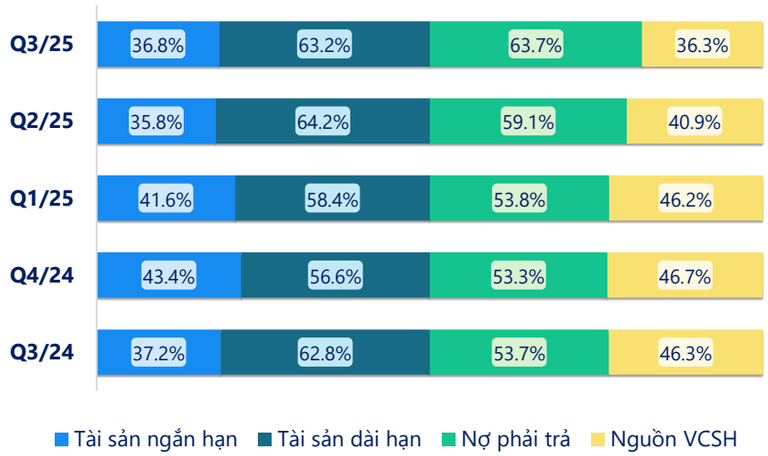

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

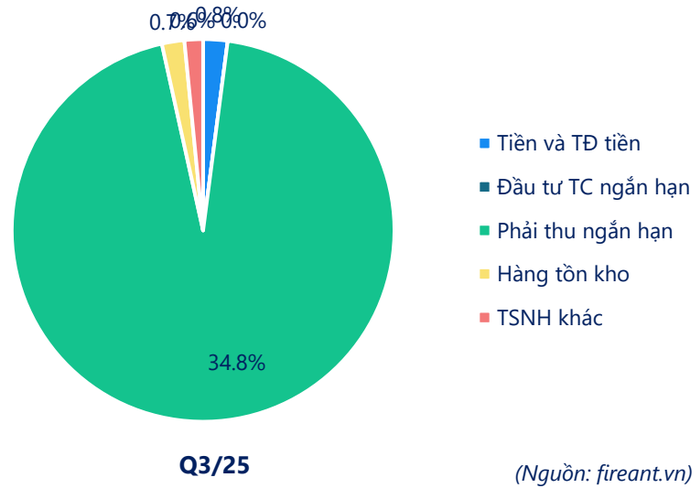

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

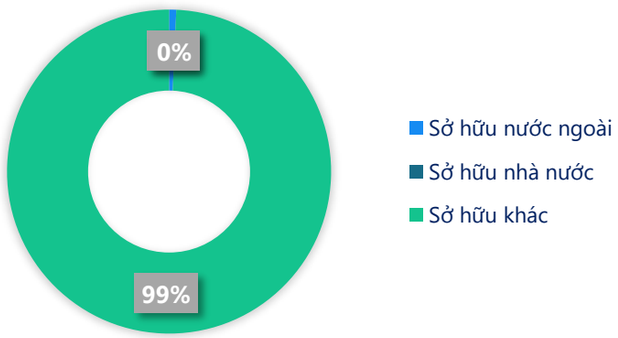

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

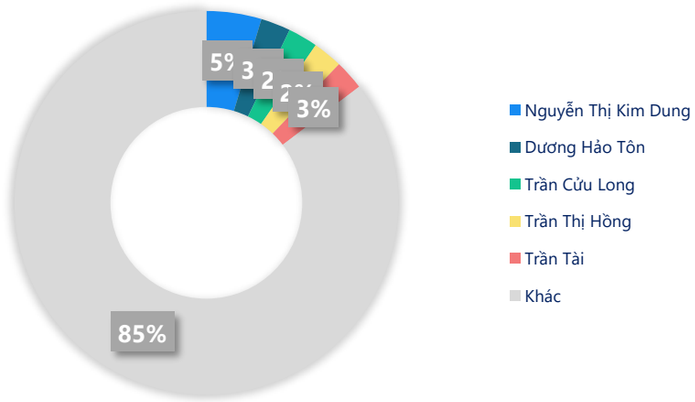

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

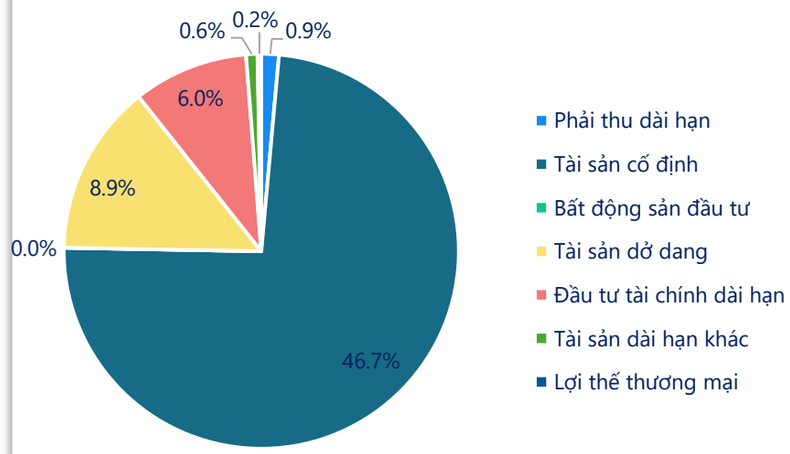

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương (HNX: DDG)

Tiền và tương đương tiền

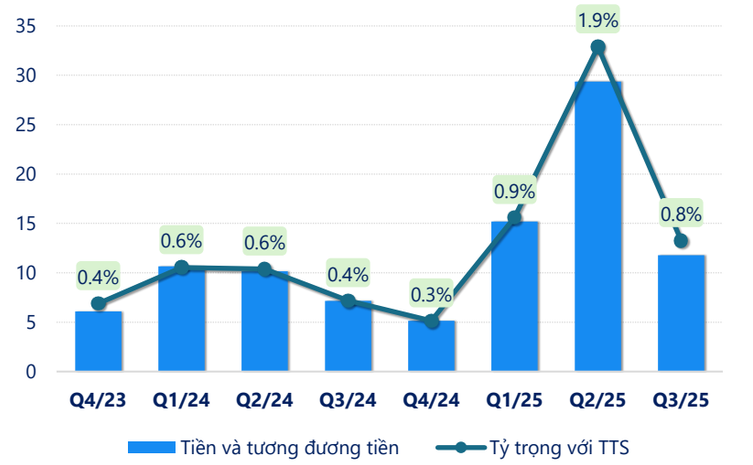

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

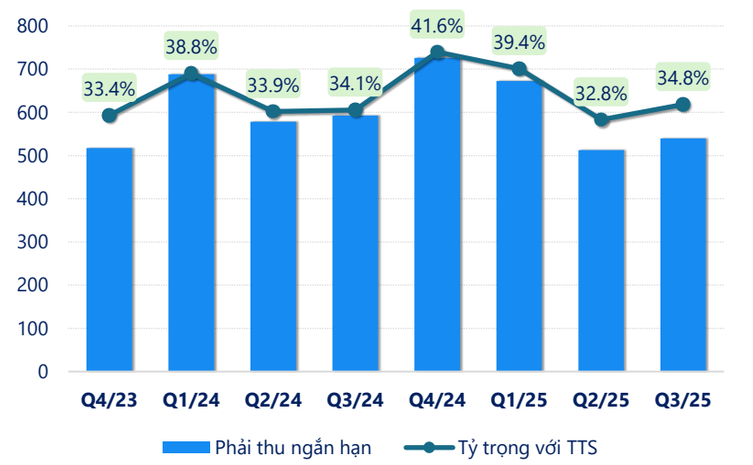

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

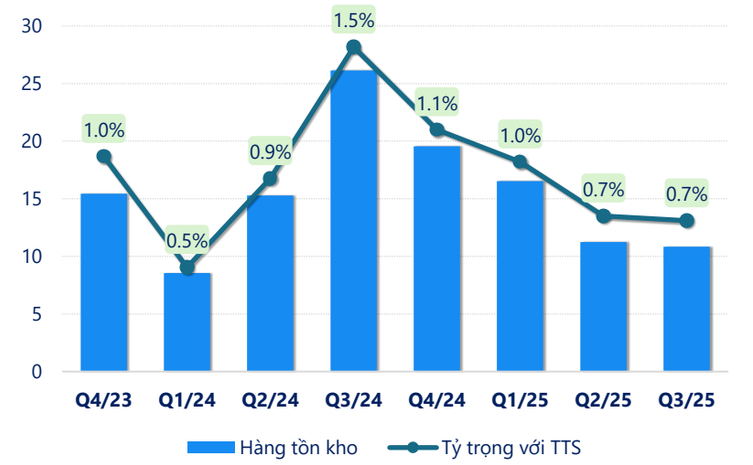

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

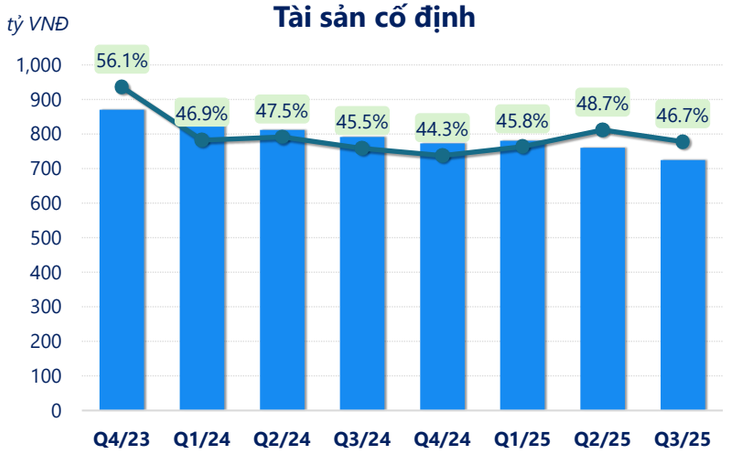

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

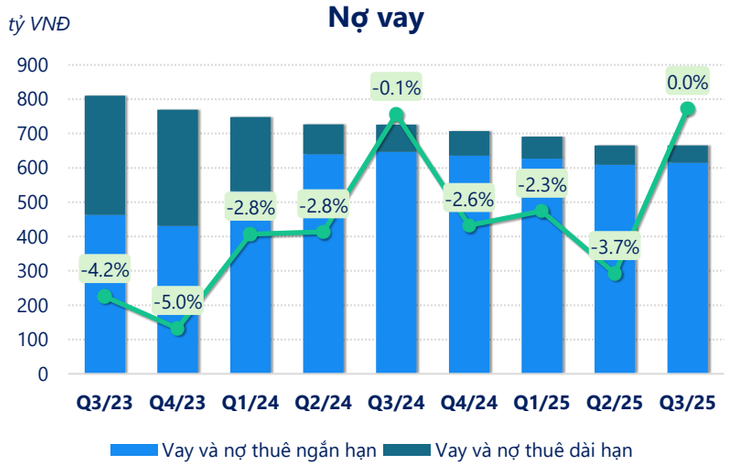

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

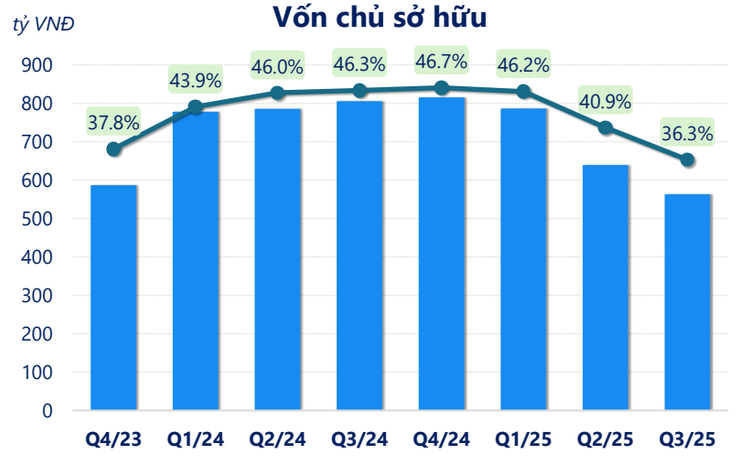

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương (HNX: DDG)

Kết quả kinh doanh

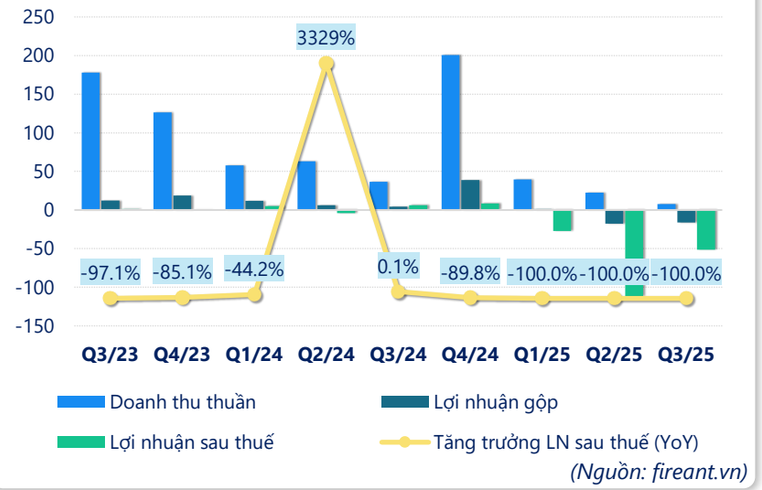

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

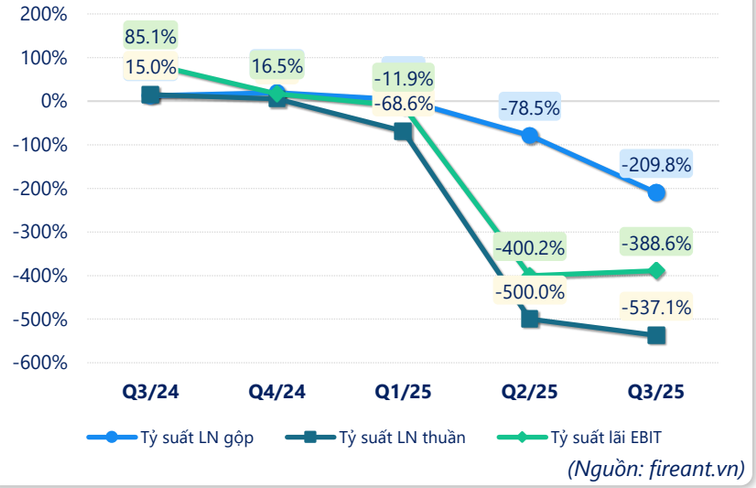

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

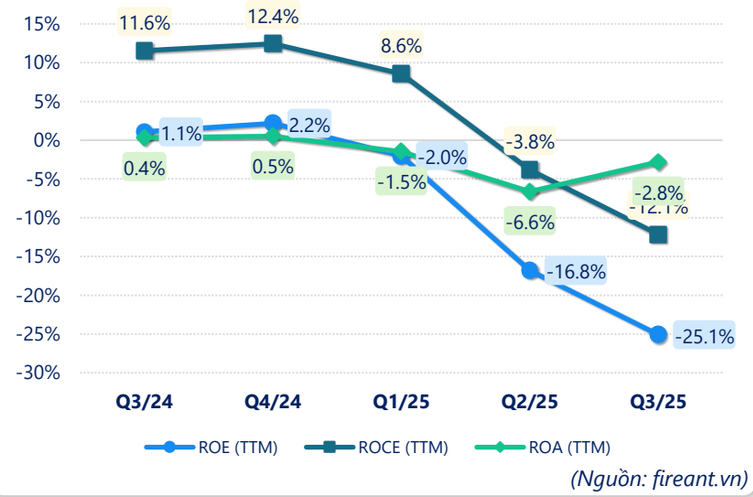

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

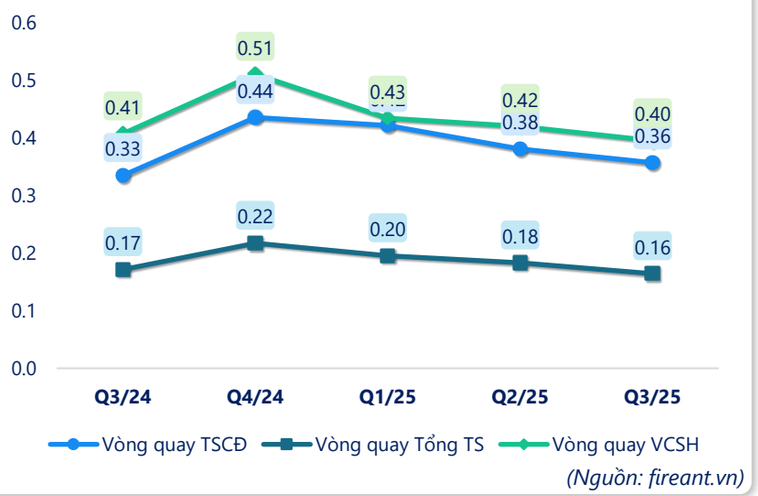

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

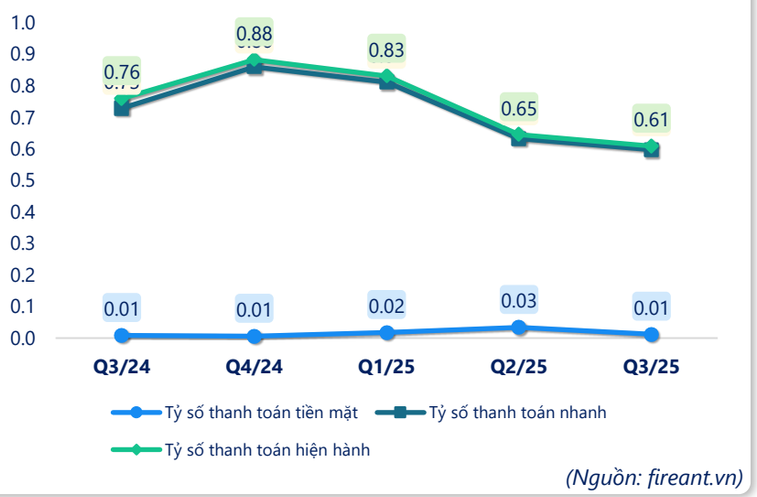

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

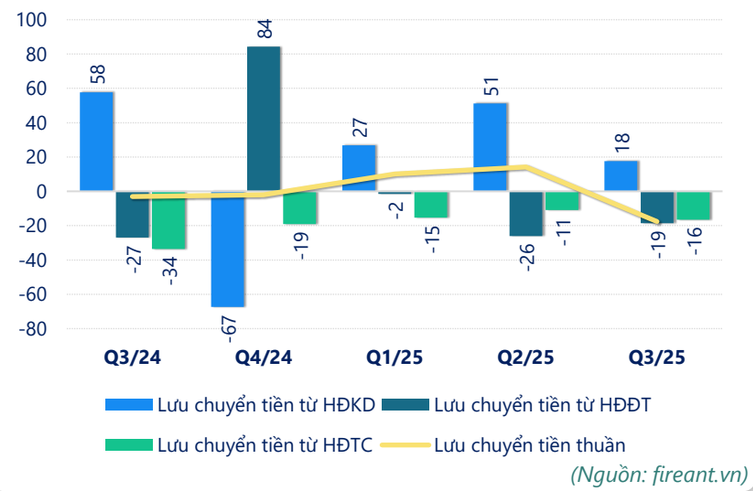

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương (HNX: DDG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,552**	**1,703**	**-8.9%**
Tài sản ngắn hạn	571	712	-19.8%
Tiền và tương đương tiền	11.8	5.13	129%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	540	681	-20.7%
Hàng tồn kho	10.8	19.6	-44.6%
Tài sản ngắn hạn khác	8.95	6.37	40.4%
Tài sản dài hạn	**981**	**991**	**-1.1%**
Phải thu dài hạn	14.0	0.05	30088%
Tài sản cố định	724	790	-8.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	138	91.7	50.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	92.5	96.8	-4.4%
Tài sản dài hạn khác	**9.12**	**9.68**	**-5.8%**
Lợi thế thương mại	3.01	3.65	-17.5%
Nợ phải trả	989	921	7.4%
Nợ ngắn hạn	**938**	**915**	**2.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	615	677	-9.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	85.8	34.4	150%
Nợ dài hạn	50.6	5.96	749%
Vay và nợ thuê dài hạn	50.3	3.59	1299%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**563**	**783**	**-28.1%**
Vốn chủ sở hữu	**563**	**783**	**-28.1%**
Vốn điều lệ	798	798	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	36.5	201	39.6	22.4	7.72
Giá vốn hàng bán	32.0	162	38.3	39.9	23.9
Lợi nhuận gộp	4.48	38.8	1.27	-17.6	-16.2
Doanh thu HĐTC	29.6	-0.54	0.35	0.18	0.22
Chi phí TC	25.2	25.2	22.7	22.9	20.8
Chi phí lãi vay	25.1	24.7	22.5	22.8	22.3
LN trong công ty LKLD	0.01	-0.05	-0.06	0.05	-0.01
Chi phí bán hàng	0	0	0	0.01	0.41
Chi phí QLDN	3.42	3.16	6.06	71.6	4.27
LN thuần từ HĐKD	5.45	9.85	-27.2	-112	-41.5
Lợi nhuận khác	0.53	-1.48	-0.09	-0.50	-10.8
LN trước thuế	5.99	8.36	-27.2	-112	-52.3
Lợi nhuận sau thuế	6.07	8.56	-27.0	-112	-51.4
LNST của CĐ cty mẹ	5.90	8.46	-25.8	-108	-46.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	57.6	-67.3	26.8	51.1	17.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-27.0	84.3	-1.51	-26.1	-18.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-33.6	-19.1	-15.3	-10.9	-16.5
Tiền đầu kỳ	10.1	7.15	5.13	15.2	29.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.99**	**-2.02**	**10.1**	**14.2**	**-17.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	7.15	5.13	15.2	29.4	11.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic